

# ĐỔI MỚI GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NHẪM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LAO ĐỘNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH SÓC TRĂNG

Lâm Hoà Nhân<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Bích Hằng<sup>2</sup>, Châu Ngọc Thủy<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sóc Trăng

<sup>2</sup>Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng

**Tóm tắt:** Thực hiện Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030, tỉnh Sóc Trăng đã triển khai thực hiện hàng loạt các hoạt động thực hiện mục tiêu này. Trong đó, vấn đề đào tạo nghề cho lao động dân tộc thiểu số được quan tâm thực hiện hàng đầu. Bài viết này sử dụng phương pháp tổng hợp, so sánh để phân tích thực trạng về hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Từ thực trạng trên, nhóm tác giả đề xuất các giải pháp nhằm phát triển đồng bộ hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh như: Giải pháp về cơ chế chính sách đặc thù đối với việc thu hút doanh nghiệp tham gia giáo dục nghề nghiệp, tuyển dụng; Chính sách hỗ trợ học nghề cho các nhóm đối tượng; Giải pháp về đảm bảo chất lượng đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ... Qua các giải pháp, mong muốn tạo chuyển biến tích cực trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, giải quyết việc làm; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; nâng cao thu nhập cho người lao động, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và đảm bảo an sinh xã hội, ... phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh Sóc Trăng cũng như các tỉnh lân cận.

**Từ khóa:** Dân tộc thiểu số, Giáo dục nghề nghiệp, Phát triển bền vững, Tỉnh Sóc Trăng.

## INNOVATING VOCATIONAL EDUCATION TO PROMOTE SUSTAINABLE DEVELOPMENT OF THE ETHNIC MINORITY WORKFORCE IN SÓC TRĂNG PROVINCE

**Abstract:** Implementing Decision No. 681/QĐ-TTg dated June 4, 2019, by the Prime Minister on the roadmap for the implementation of Vietnam's sustainable development goals by 2030, Soc Trang province has carried out a series of activities to realize these goals. In particular, vocational training for ethnic minority workers is a primary concern. This article uses synthesis and comparison methods to analyze the current state of vocational training institutions in Soc Trang province. Based on this analysis, the group of authors proposes solutions to synchronously develop the system of vocational training institutions in the province, such as specific policies and mechanisms to attract businesses to participate in vocational training and recruitment; policies to support vocational training for target groups; and quality assurance measures for vocational training institutions. Through these solutions, we aim to create positive changes in the field of vocational training and job creation; improve the quality of human resources; increase workers' income; sustainably reduce poverty; develop new rural areas; and ensure social security. These efforts are designed to serve the goals of industrialization and modernization, contributing to the sustainable development of Soc Trang province and its neighboring provinces.

**Keywords:** Ethnic minorities, Vocational education, Sustainable development, Soc Trang province.

Nhận bài: 14/10/2025

Phản biện: 10/11/2025

Duyệt đăng: 14/11/2025

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sóc Trăng là tỉnh có đông đồng bào dân tộc thiểu số (35,76%), trong đó chủ yếu là đồng bào Khmer. Những năm qua, tỉnh đã triển khai nhiều chính sách, dự án phát triển kinh tế – xã hội nhằm giúp đồng bào dân tộc thiểu số được học tập, nâng cao trình độ, tay nghề, tìm được việc làm, cải thiện thu nhập và đời sống. Các chủ trương lớn của Trung ương như Chương trình “Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021–2030” (Quyết định 1719/QĐ-TTg, 2021) với chỉ tiêu đến 2025 “đào tạo nghề cho khoảng 2,25 triệu người; tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho khoảng 4 triệu hộ...” và Nghị quyết 88/2019/QH14 đều nhấn mạnh yêu cầu đẩy mạnh đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân

lực. Ở cấp tỉnh, Tỉnh ủy, HĐND, UBND Sóc Trăng quan tâm chỉ đạo phát triển giáo dục nghề nghiệp; mạng lưới 23 cơ sở GDNN được sắp xếp tinh gọn, bước đầu hoạt động hiệu quả. Tuy vậy, vẫn thiếu đánh giá đầy đủ và các giải pháp đồng bộ cho lao động dân tộc thiểu số. Bài viết tập trung phân tích thực trạng hệ thống GDNN và đề xuất giải pháp đổi mới nhằm phát triển bền vững nguồn nhân lực dân tộc thiểu số, phục vụ CNH–HĐH của Sóc Trăng và vùng lân cận.

### II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Khái niệm Phát triển bền vững

Phát triển bền vững là một khái niệm quan trọng định nghĩa về quá trình phát triển đáp ứng nhu cầu mọi mặt của xã hội hiện tại mà vẫn đảm bảo sự tiếp tục phát triển của thế hệ tương lai. Nói

cách khác, phát triển bền vững nhằm mục tiêu tạo ra một sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và công bằng xã hội. Có ba trụ cột chính của phát triển bền vững:

Việc định hướng phát triển dân tộc toàn diện và bền vững, đầu tư giáo dục cho đồng bào dân tộc thiểu số luôn được Đảng ta xác định là vấn đề có tính chiến lược. Đại hội lần thứ XIII Đảng xác định: “Tập trung hoàn thiện và triển khai thực hiện tốt các chính sách dân tộc trên tất cả các lĩnh vực, nhất là những chính sách đặc thù giải quyết những khó khăn của đồng bào dân tộc thiểu số. Tạo sinh kế, việc làm, định canh, định cư vững chắc cho đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới”.

## **2.2. Giải pháp đổi mới giáo dục nghề nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Sóc Trăng**

### **2.2.1. Tác động đến tâm lý đến người học là dân tộc thiểu số**

Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chính sách ưu tiên cho giáo dục vùng dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, khi tham gia, tiếp xúc thực tế vẫn còn một số ít học sinh- sinh viên dân tộc thiểu số vẫn gặp khó khăn, hạn chế về văn hóa và ngôn ngữ khiến các em khó thích ứng với những yêu cầu học tập trong các cơ sở giáo dục ở nhà trường. Không ít em còn rụt rè, thiếu tự tin, ngại giao tiếp với thầy cô và bạn bè. Bên cạnh đó, một số em luôn ở trong trạng thái căng thẳng, ngại giao tiếp. Đồng thời, trong những năm gần đây, sự biến động và thay đổi mạnh mẽ của đời sống kinh tế- xã hội, sự phát triển của khoa học và công nghệ đã và đang làm tăng những áp lực đối với học sinh- sinh viên, đòi hỏi các em phải có động lực, tâm lý vững vàng để thích ứng với sự thay đổi. Các em thường chịu áp lực lớn trong việc vừa duy trì giá trị truyền thống vừa hòa nhập vào hệ thống giáo dục chính thống. Sự căng thẳng này nếu kéo dài có thể ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất, sức khỏe tâm lý và thành tích học tập của sinh viên.

### **2.2.2. Giải pháp về cơ chế, chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp cho lao động dân tộc thiểu số**

Các cấp quản lý, tiến hành rà soát, sắp xếp lại hệ thống giáo dục nghề nghiệp, đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng loại hình trường, phát triển các

trường ngoài công lập; xây dựng trường chất lượng cao ở các bậc học. Nâng cao chất lượng đào tạo đối với các trường: Cao đẳng Cộng đồng, Cao đẳng Nghề, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách, đảm bảo nguồn lực tài chính. Ban hành chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và học sinh có năng khiếu đặc biệt đi học tập ở nước ngoài; rà soát, bổ sung chính sách, tạo điều kiện thu hút người có trình độ chuyên môn cao, các nhà quản lý giỏi, các chuyên gia đến làm việc tại tỉnh; có chính sách hỗ trợ đặc biệt cho học sinh có năng khiếu, hoàn cảnh khó khăn được theo học ở các bậc học cao; chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút các bác sỹ chuyên khoa I, II công tác tại tỉnh (đến năm 2025, tỷ lệ bác sỹ chuyên khoa I chiếm 40%, chuyên khoa II chiếm 6% trong tổng số bác sỹ). Tạo điều kiện hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ doanh nhân về kiến thức pháp luật, kỹ năng quản trị doanh nghiệp, khả năng tiếp cận thị trường. Tăng cường đầu tư ngân sách Nhà nước xây dựng cơ sở vật chất, hỗ trợ nguồn lực cho các cơ sở đào tạo, dạy nghề cho lao động nông thôn, các vùng khó khăn, đáp ứng yêu cầu lao động tại các khu, cụm công nghiệp; đẩy mạnh xã hội hóa các nguồn lực xã hội để tập trung đào tạo lao động các ngành kinh tế, giáo dục và y tế.

Sử dụng và phát huy hiệu quả nguồn nhân lực. Kien toàn tổ chức bộ máy, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, cá nhân trong các cơ quan, đơn vị. Nâng cao chất lượng tuyển dụng, lựa chọn những người có trình độ, năng lực, phẩm chất tốt, đáp ứng yêu cầu, hiệu quả công việc. Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức sát với thực tế, phản ánh đúng kết quả mang lại. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tay nghề của người lao động, gắn với đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, cán bộ các ngành kinh tế mũi nhọn như: Nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến, công nghiệp điện, du lịch; chú trọng đào tạo lao động các ngành nghề phù hợp với sự phát triển của địa phương, đơn vị và thị trường lao động.



Hình 1. Nhu cầu phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030

### 2.2.3. Giải pháp về đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp

#### \*Phát triển mạng lưới giáo dục nghề nghiệp

Định hướng phát triển giáo dục nghề nghiệp của tỉnh Sóc Trăng tập trung vào đầu tư, nâng cấp hệ thống cơ sở công lập, bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy – học và mở rộng mạng lưới theo hướng đồng bộ, liên thông với phân hiệu Trường Đại học Cần Thơ tại thành phố Sóc Trăng, tạo cầu nối giữa GDNN với giáo dục đại học và sau đại học. Tỉnh ưu tiên đầu tư Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng và Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng đạt chuẩn ngành, nghề trọng điểm quốc gia, khu vực ASEAN, phấn đấu đạt tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao giai đoạn 2025–2030. Các Trung tâm GDNN–GDTX được nâng cấp đáp ứng quy định của Luật Giáo dục 2019 và Thông tư 01/2023. Tỉnh nghiên cứu thành lập trung tâm thực hành trọng điểm tại thành phố Sóc Trăng và thị xã Vĩnh Châu cho các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ; đồng thời phát triển hệ thống giáo dục chuyên biệt, trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho người khuyết tật, trại viên và đối tượng bảo trợ xã hội, khuyến khích xã hội hóa GDNN gắn với nhu cầu nhân lực chất lượng cao.

#### \*Phát triển, đổi mới chương trình, giáo trình đào tạo

Đổi mới chương trình, giáo trình đối với các ngành, nghề đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Phát triển mới chương trình, giáo trình đào tạo đối với các ngành, nghề xã hội có nhu cầu và có xu hướng phát triển mạnh trong thời gian tới, đặc biệt là các ngành, nghề thuộc tiềm năng, lợi thế của tỉnh như: Logistics, vận tải biển, thương mại điện tử, kỹ thuật may mặc, quản lý công nghiệp, điện – điện tử, chế biến thủy sản, nông nghiệp công nghệ cao, ...

Tận dụng hiệu quả cơ hội Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đào tạo nghề cho lao động nông thôn cần gắn với đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho người dân, góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số khu vực nông thôn; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Đẩy mạnh đào tạo nghề gắn với phương thức sản xuất tiên tiến, hiện đại, phù hợp với nền nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao; thúc đẩy tích hợp đa giá trị, nâng cao giá trị gia tăng, phát huy lợi thế của từng địa phương; có chính sách đầu tư, hỗ trợ cho đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và phát triển kinh tế tập thể khu vực nông thôn; triển khai các chương trình, đề án đào tạo, đào tạo lại phục vụ chuyển đổi nghề cho người dân do biến đổi khí hậu và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phối hợp với các trường đại học xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo đảm bảo tính liên thông trong đào tạo giữa giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

#### \*Phát triển đội ngũ quản lý, đội ngũ nhà giáo

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ quản lý, nhà giáo các cấp. Tăng cường hợp tác, phối hợp với các trường cao đẳng, trường trung cấp, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên trong tỉnh, ngoài tỉnh, kể cả ở nước ngoài để trao đổi, học tập kinh nghiệm trong công tác quản lý, giảng dạy; đồng thời, hợp đồng thỉnh giảng nhà giáo để giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình đào tạo.

Khuyến khích, huy động các chuyên gia, kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, nghệ nhân cấp tỉnh, người lao động có tay nghề cao, ... trong các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế tham gia giảng dạy tại các trường cao đẳng, trường trung cấp, các trung tâm

giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp có chất lượng; huy động sự tham gia của các nhà khoa học, các nghệ nhân, doanh nhân, người sản xuất giỏi, lao động có tay nghề cao tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

*\*Nâng cao chất lượng công tác quản lý giáo dục nghề nghiệp*

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý giáo dục nghề nghiệp, đảm bảo kết nối, tích hợp, khai thác dữ liệu giáo dục nghề nghiệp với nền tảng số giáo dục nghề nghiệp quốc gia góp phần thực hiện đạt các một tiêu chuyển đổi số của tỉnh tại Nghị quyết số 07-NQ/TU; nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, phát huy vai trò người đứng đầu trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ quan quản lý các cấp. Đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá và công nhận chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

*\*Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn*

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với giải quyết việc làm sau đào tạo. Đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn; cập nhật nghề, chuẩn hóa nội dung đào tạo, kiểm định chất lượng chương trình đào tạo; tăng cường giáo dục đạo đức nghề nghiệp, kiến thức về an toàn vệ sinh lao động, pháp luật, kinh doanh, khởi nghiệp, các kỹ năng mềm và đổi mới sáng tạo cho lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Tăng kỹ năng thực hành, thực tập nghề nghiệp nhất là từ thực tiễn sản xuất, kinh doanh; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong tất cả các khâu của quá trình đào tạo; nghiên cứu tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo hướng mở, linh hoạt phù hợp với đặc điểm địa phương, người học. Đổi mới căn bản công tác hướng nghiệp, phân luồng trong giáo dục phổ thông phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư vấn nghề; tập trung đào tạo lại nguồn nhân lực nông thôn, đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ, gắn với bảo tồn, phát huy không gian văn hóa khu vực nông thôn, tận dụng lợi thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thích ứng với quá trình đô thị hóa, già hóa dân

số và biến đổi khí hậu, góp phần xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại.

*\*Triển khai, thực hiện các chính sách về giáo dục nghề nghiệp*

Triển khai, thực hiện có hiệu quả các tiểu dự án, nội dung thành phần về giáo dục nghề nghiệp, việc làm trong các Chương trình mục tiêu quốc gia. Thực hiện tốt các chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp; các chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại, ... cho người lao động.

Thu hút người lao động vào học các ngành, nghề trọng điểm, chất lượng cao; ưu tiên hỗ trợ học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông sang học nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc liên kết, phối hợp trong đào tạo, giải quyết việc làm; phát triển đội ngũ quản lý, người dạy nghề trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, ...

*\*Hội nhập quốc tế về giáo dục nghề nghiệp*

Tăng cường hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài, tiếp nhận chuyển giao trang thiết bị đào tạo, chương trình, giáo trình, học liệu, phương pháp giảng dạy và học tập; trao đổi giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên, chuyên gia quốc tế, ...

*2.2.4. Giải pháp về hướng nghiệp, đào tạo và giải quyết việc làm*

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn cần tăng cường công tác hướng nghiệp, gắn kết chặt chẽ đào tạo với doanh nghiệp và thị trường lao động. Cần thường xuyên thu thập, cập nhật dữ liệu về nhu cầu lao động, nhu cầu đào tạo của đơn vị sử dụng lao động và phản hồi của người học sau tốt nghiệp để điều chỉnh nội dung, quy mô, hình thức đào tạo, nâng cao chất lượng và hỗ trợ giải quyết việc làm sau đào tạo. Mô hình phối hợp “Nhà nước – Nhà trường – Doanh nghiệp – Người lao động”, cùng với sự tham gia của các tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp phải được triển khai trên cơ sở hài hòa lợi ích và trách nhiệm các bên. Đồng thời, đẩy mạnh các chương trình bồi dưỡng kỹ năng nghề phù hợp từng nhóm lao động, tăng cường kết nối cơ sở giáo dục nghề nghiệp với Trung tâm Dịch vụ việc làm và các đơn vị dịch vụ việc làm, gắn đào tạo với đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo, tuyển dụng và sử dụng lao động.

Về dịch vụ việc làm, cần quy hoạch, phát triển hệ thống giao dịch việc làm hiện đại, chuyển đổi số, gắn kết dữ liệu việc làm với dữ liệu dân cư, chuẩn bị nguồn nhân lực đáp ứng phát triển các khu, cụm công nghiệp đến năm 2030, đồng thời có chính sách thu hút, giữ chân nhân lực chất lượng cao. Mục tiêu là duy trì tỷ lệ thất nghiệp dưới 3%, giảm dần tỷ trọng lao động nông – lâm – ngư nghiệp và tỷ lệ thanh niên không có việc làm.

Về truyền thông, cần đẩy mạnh tuyên truyền chủ trương, chính sách về giáo dục nghề nghiệp, việc làm, xuất khẩu lao động; tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh; nâng cao nhận thức về vai trò đào tạo nghề với phát triển nông thôn, ứng phó biến đổi khí hậu và CMCN 4.0; đồng thời xây dựng đội ngũ truyền thông cơ sở, đa dạng hóa kênh và hình thức tuyên truyền, chú trọng kỹ năng mềm, kỷ luật lao động cho người học.

### III. KẾT LUẬN

Đổi mới giáo dục nghề nghiệp là một yếu tố then chốt trong việc nâng cao năng lực lao động và cải thiện đời sống cho cộng đồng dân tộc thiểu số tại tỉnh Sóc Trăng. Đổi mới không chỉ tập trung vào nội dung và phương pháp giảng dạy mà còn cần thiết phải kết hợp với thực tiễn sản xuất và nhu cầu thị trường. Bên cạnh đó, sự hợp tác giữa các cơ quan chức năng, doanh nghiệp và cộng đồng là rất quan trọng để đảm bảo các chương trình đào tạo phù hợp và hiệu quả. Việc khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào quá trình xây dựng chương trình đào tạo sẽ tạo ra sự gắn kết và nâng cao trách nhiệm của người học. Ngoài ra, bài viết cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải thiết lập hệ thống đánh giá và theo dõi hiệu quả các chương trình giáo dục nghề nghiệp nhằm đảm bảo tính bền vững và khả thi trong dài hạn.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tỉnh ủy Sóc Trăng. *Báo cáo số 444-BC/TU ngày 28/11/2023 của Tỉnh ủy Sóc Trăng về sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 09/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng Khóa XIV về lãnh đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng*, Sóc Trăng; 2023. [Provincial Party Committee. Report No. 444-BC/TU dated 11/28/2023 of the Soc Trang Provincial Party Committee on the preliminary summary of 3 years of implementing Resolution No. 04-NQ/TU dated 9/7/2021 of the Executive Committee of the Soc Trang Provincial Party Committee, Term XIV, on leading the implementation of the National Target Program on Socio-Economic Development in Ethnic Minority Areas for the 2021-2025 period, with a vision to 2030 in Soc Trang province. Soctrang; 2013.].

Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. *Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 về công tác dân tộc*. Hà Nội: Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; 2011. [The socialist Republic of Vietnam. Decree No. 05/2011/ND-CP dated 01/14/2011 on ethnic work. Hanoi: The government of The socialist Republic of Vietnam, 2011.].

Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật; 2021. [Communist Party of Vietnam. Documents of the 13th National Congress of Delegates. Hanoi: National Political Publishing House – Truth; 2021].

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, *Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 07/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Đề án phát triển Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng chất lượng cao đến năm 2025*. Sóc Trăng; 2022. [People's Committee of Soc Trang province, Project No. 01/DA-UBND dated 3/7/2022 of the People's Committee of Soc Trang province, Project to develop high-quality Soc Trang Vocational College by 2025. Soctrang 2022.].